

Bài 19: Kinh Tăng Chi (Chương 1 Pháp) - Phẩm Không Thể Có Được (tt1) | Sư Giác Nguyên - 15/01/2018

19. Kinh Tăng Chi | Chương Một pháp |

Phẩm Không Thể Có Được (tt1). Phẩm Một Pháp

Bài giảng ngày 15-1-2018

XV. PHẨM KHÔNG THỂ CÓ ĐƯỢC

(Aṭṭhānapāḷi) (tt)

1-9 KHÔNG THỂ XẢY RA

“1. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: là quả dị thực của thân làm thiện có thể là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này không xảy ra....”

Trong đoạn số 1, Đức Phật dạy có chuyện này không thể xảy ra: quả của thiện đem lại sự đau khổ. Trong Thập Lực (10 sức mạnh trí tuệ của vị Chánh Đăng Giác), Lực đầu tiên là nhằm giải thích một khía cạnh của Nhất thiết trí Toàn Giác. Ngài biết rõ cái gì trên đời này có thể xảy ra, không thể xảy ra. Một vị Độc Giác hoặc một vị Thánh Văn về căn bản thì biết y như vị Chánh Đăng Giác: làm thiện dẫn đến hỷ lạc, làm ác dẫn đến khổ ưu, bố thí thì được tài vật, từ tâm thì được nhan sắc, tuổi thọ, được sự ái mộ của người khác; tu thiền Chi thì chứng các tầng thiền định, tu thiền Quán đủ duyên thì chứng các tầng thánh quả. Đó là nói chung chung, còn về chi tiết thực tế trong đời sống có nhiều thứ nằm ngoài nếu không phải là vị Chánh Đăng Giác thì không thể biết được. Ví dụ như ngài Xá Lợi Phất biết rằng hễ người tham nhiều thì tu đề mục nào, sân nhiều tu đề mục nào, nhưng có những người ngài quan sát thấy họ tham nhiều, cho họ tu đề mục bất tịnh, nhưng dạy hoài mà họ không đắc. Tôi từng nêu ví dụ một người mẹ sống và đi bên cạnh con mình suốt hơn bốn mươi năm, đưa con đi mấy chục quốc gia, đi đâu mẹ cũng đi theo, ăn học tới đâu, bao nhiêu bằng cấp, quan hệ bạn bè xã hội như thế nào người mẹ cũng biết, và biết rất rõ sở thích ăn

uống của con mình – chỉ là ví dụ thôi bởi khó có người mẹ như vậy trong đời thực – tuy nhiên, chiều nay đưa con đến thăm, bà mẹ không biết mình nên đãi con ăn món gì trong số những món nó thích. Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên cũng y như vậy, có khả năng nhìn chúng sinh rất rõ nhưng vấn đề nằm ở chỗ giống như bà mẹ là trong 37 món đưa con thích mà bà không biết chiều nay nó thích món nào, bà không thể biết đưa con đang bệnh và chiều nay nó thèm một bát “cháo hành Thị Nở”. Vị Chánh Đăng Giác thì biết rõ như thế biết rõ trong 37 món đó chiều nay món nào hợp với đứa con đang bị cảm mấy ngày nay, hoặc nó chỉ hợp với món thứ 38 là cháo trắng. Ngài biết chuyện này đúng là hợp lý đó nhưng bữa nay đối với đối tượng này thì không xài được, phải đổi một chút; giống như một bác sĩ giỏi là biết rất rõ bệnh nhân này cần uống thuốc gì. Có sự khác nhau giữa bác sĩ giỏi và dở là tùy vào việc chỉ định cho bệnh nhân thuốc loại nào (viên nén, viên nhộng hay chích, thuốc bột, thuốc nước), liều lượng thế nào tốt nhất. Khả năng này chỉ có ở vị Chánh Đăng Giác, Ngài biết cái gì là Tṭhāna (hợp lý) và aṭṭhāna (vô lý); cái gì khả thi và bất khả thi. Vì vậy chữ “Sự kiện này không xảy ra” quan trọng lắm, ở đây Ngài chỉ đưa ra những điều Ngài thấy cần thiết. Ngài có xác định trong một bài kinh quan trọng, bài kinh Simsapa, khi ở trong rừng simsapa Ngài hốt một nắm lá và hỏi: Các tỳ kheo nghĩ thế nào, nắm lá trong tay ta và số lá còn lại trong rừng, cái nào nhiều hơn... Và Ngài dạy: Cũng vậy, điều ta hiểu biết, chứng ngộ nhiều như lá trong rừng và điều ta thuyết giảng cho các người cho những người cầu đạo giải thoát ít như nắm lá trong tay. Tam Tạng để chúng ta đọc và hiểu cho thỏa sức thì phải mất không biết bao nhiêu kiếp mới đủ, một kiếp này thôi thì không đủ. Kể cả các vị Pháp sư Tam Tạng Miến Điện thuộc lòng nhưng không phải các vị ấy thông suốt hoàn toàn. Kinh điển có nhiều lớp Chú giải khác nhau: Chú giải đời 1, đời 2, đời 3.... Chú giải đời 1 chú thích chánh tạng. Chú giải đời 2 là chú giải giải thích chú giải đời 1, giải thích những góc tối mà chú giải đời 1 chưa nói. Chú giải đời 3 giải thích những điều Chú giải đời 2 nói chưa hết. Chú giải đời 4 chú thích những điều Chú giải đời 3 nói chưa hết và Chú giải đời 5 là chú thích những điều Chú giải đời 4 nói chưa hết. Đọc Tam Tạng thôi đã hết kiếp, nói gì đọc bốn năm đời Chú giải như vậy. Chánh tạng: Tipiṭaka – đời 1. Aṭṭhakathā (Chánh

sớ), Tika, Mahatika, Anutika, Aṭṭhayaṇa (phụ sớ). Miến điện còn có Nissaya.

Từ đoạn 1 đến đoạn 3, Ngài xác nhận không thể có chuyện làm thiện lại bị đau khổ. Đoạn 4, không thể có chuyện nhờ làm ác là lại sinh về cõi lành. Đoạn 7 đến 9, không thể có chuyện vì làm thiện mà sa đọa.

Ở trên Ngài xác nhận rằng “không bao giờ có chuyện vì làm thiện mà bị sa đọa và không bao giờ có chuyện nhờ làm ác mà được sanh về cõi vui”, nhưng xin lưu ý là có bài kinh như sau: “Ai cho rằng kẻ làm thiện chắc chắn sinh thiên kẻ làm ác chắc chắn sẽ bị sa đọa thì đó là tà kiến”. Như vậy có mâu thuẫn không và mình phải hiểu làm sao đây?

Có thể xem ví dụ sau để hiểu: Ông A một đời hành thiện, tu hành chơn chánh trong sạch, và quả báo cuộc đời hành thiện đó chắc chắn là tốt. Tuy quả thiện là vui nhưng hết kiếp này chưa chắc ông A được sanh thiên vì quả lành chưa chắc trở vào lúc ông mệnh chung mà lúc đó quả xấu nào đó trong đời trước hoàn toàn có thể xen vào để mang ông đi. Ông B sống một đời sống ác nên quả báo chắc chắn là xấu là khổ. Tuy nhiên, chưa chắc là kiếp này khi tắt thở ông phải bị đọa, vì lúc đó có thể có quả lành nào đó trong quá khứ, nhằm lúc chín muồi thì trở quả ngay lúc đó và đưa ông đi về cõi lành. Hôm nay trên thế giới có rất nhiều người tánh tình cùng hung cực ác không đáng để mang thân người. Qua báo chí chúng ta biết, chỉ vì một chuyện không đáng mà họ mắng chửi ông bà, giết cha mẹ, hành hạ vợ con; chỉ vì số tiền nhỏ mà họ giết người... Vậy mà họ vẫn được mang thân người và nếu không bị bắt, không bị giết thì họ vẫn có thể sống trăm tuổi như thường. Trong khi đó có những người cái gì cũng số 1: thông minh, nhân hậu, trách nhiệm... vậy mà lại yếu mệnh như thế ông trời rất bất công, không có mắt. Nhưng không, hãy nhớ rằng người lành người thiện mà bị xui xẻo, tật bệnh, chết sớm v.v... là do quả xấu của ác nghiệp nào đó trong quá khứ.

Bài kinh này có hai vấn đề phải ghi nhận:

1. Quả báo của điều lành chắc chắn là niềm vui. Quả báo của điều ác chắc chắn là sự đau khổ.
- 2- Một đời sống thiện chưa chắc cuối đời được sanh thiên vì có thể do quả xấu nào đó trong vô lượng tiền thân. Một đời sống ác chưa chắc chết bị sa đọa vì nhờ quả lành

nào đó trong vô lượng tiền thân, giờ đây họ được sanh ra trong điều kiện tốt.

Có người chỉ có đức mà thiếu phước. Có người chỉ có phước mà thiếu đức. Có người có cả phước và đức. Có người thiếu cả phước lẫn đức.

Có đức mà thiếu phước nghĩa là cái quả lành xưa của họ tạm thời kiếp này không nhận được. Trong kiếp này họ thiếu phước (nghèo, xấu, bệnh hoạn, sanh ra trong môi trường rất tệ, thiếu thốn và thấp kém) nhưng tu tập rất tốt.

Người có phước mà thiếu đức: do một quả lành nào trong quá khứ bây giờ họ sanh ra trong điều kiện hoàn hảo tuyệt vời nhưng không chịu tu dưỡng. Họ sanh ra trong một gia đình không tin Trời Phật, không tin kiếp trước kiếp sau nhưng ô dù bự quá nên ăn chơi hưởng lạc chức vụ thăng tiến ào ào. Hạng này là ăn đồ cũ mà không nấu đồ mới.

Người có cả phước lẫn đức: sanh ra có nhan sắc, có tiền bạc, và tiếp tục vun bồi công đức phước báu. Hạng này vừa ăn đồ cũ vừa nấu đồ mới

Người thiếu cả phước lẫn đức: sanh ra trong điều kiện thiếu thốn vật chất, thiếu cả ngoại hình và cũng không màng tu dưỡng. Hạng này không có đồ ăn cũ mà cũng chẳng chuẩn bị đồ ăn mới.

Chín đoạn kinh (1-9) trên có nội dung không thể nào có chuyện làm thiện mà bị khổ, làm ác mà sanh cõi lành. Tại sao kể thành 9 đoạn? Do căn cứ vào Tam nghiệp thân, khẩu, ý [đem nhân với] thiện, ác.

XVI. PHẨM MỘT PHÁP

Ở đây Ngài dạy: Nay các Tỳ Kheo có một pháp khi tu tập tới nơi tới chốn rốt ráo triệt để thì có thể dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn. Đó chính là Niệm Phật (đoạn 1), Niệm Pháp, Tăng, Thí, Giới, Thiên, Niết bàn (đoạn 2 -10).

Ở đây vị nào hoàn toàn chưa biết giáo lý thì khờ ru vì sẽ nghe bằng đầu óc trắng tinh như tờ giấy trắng, còn ai mà biết ba mớ thì sẽ rất là ngạc nhiên khi trong kinh có nói thế này: “Tứ Niệm Xứ là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát” vậy tại sao ở đây chính Phật dạy các pháp quán niệm này cũng có thể dẫn đến Niết-bàn?

Có thể hiểu qua ví dụ này, hôm qua mẹ tôi nói rằng: “Người VN nào cũng sống bằng cơm, không có cơm là chết”. Sáng nay mẹ tôi lại nói khác: “Không có tiền thì chết”.

Như vậy tôi phải hiểu làm sao đây? Tôi không tin là mẹ tôi dạy sai, mẹ tôi là người tỉnh táo, thông tuệ, không lú lẫn mất trí. Tôi biết mẹ rất thương tôi nên mới chọn câu nào đàng hoàng nhất, nghiêm túc nhất dạy cho tôi. Hai câu này đều đúng và không hề mâu thuẫn, bởi không có tiền làm gì có cơm. Tứ Niệm Xứ là con đường duy nhất dẫn đến Niết-bàn và giải thoát, nhưng tại sao ở đây Ngài lại nói các pháp trì niệm này có thể dẫn đến giải thoát? Bởi vì không ai tu tập Tứ Niệm Xứ lại không có một vài đề mục tùy niệm này trong đầu. Chỉ biết niệm Phật ngoài ra không biết gì về Tứ Niệm Xứ thì không thể chứng đạo, nhưng không ai chứng đạo lại không có một vài đề mục trong số vừa kể. Thí dụ như bây giờ quý vị nói với tôi là quý vị không có niệm Phật, Pháp, Tăng, Thí, Giới, Thiên gì hết. Thật ra quý vị lo giữ chánh niệm: trong lúc đi đứng nằm ngồi quý vị biết rõ đang nói cười, đang cầm lên, đang để xuống, đang khép cửa, đang rửa mặt, đang lau mặt, ăn uống, nhai nuốt... trong đầu quý vị hoàn toàn chánh niệm. Quý vị chỉ biết ghi nhận các cảnh đề mục tiểu oai nghi. Nhưng mà tôi xin hỏi nhỏ một câu thế này: Lúc hành trì như vậy, quý vị có sẵn sàng dành cho Đức Phật một niềm thương kính hay không? Lúc đang hành trì như vậy, nếu có người hỏi các vị về cứu cánh mục đích, về lý tưởng tu tập Tứ Niệm Xứ, quý vị có trả lời được hay không? Được chứ! Tôi tin chắc là các hành giả tuy đang giữ chánh niệm như vậy nhưng có người hỏi họ: Đời sống Tứ Niệm Xứ sẽ dẫn đến cái gì họ sẽ trả lời là Niết-bàn; hỏi ai là người thầy đầu tiên dạy cho chúng ta cái này, ai cũng sẽ trả lời ngay đó là Đức Phật. Cho dù chúng ta học ngài Pa-auk, ngài Mahasi, ngài Ajahn Chah, bà Achaan Naeb, ông Goenka... nhưng khi được hỏi ai là vị thầy đầu tiên của những vị thầy mình học, thì ai cũng trả lời là Đức Phật. Như vậy thì người thầy đầu tiên chính là Đức Phật. Không ai tu Tứ Niệm Xứ mà nói rằng mình mù tịt, không có cảm giác, không có một suy nghĩ nhận thức gì về Ngài. Không ai tu Tứ Niệm Xứ mà không mang ơn Đức Phật. Vị thầy đầu tiên của pháp môn Tứ Niệm Xứ là Phật Bảo. Pháp môn Tứ Niệm Xứ là Pháp Bảo. Ai tu tập Tứ Niệm Xứ thì được xem là một phần Tăng Bảo. Một người tu Tứ Niệm Xứ dù cả tháng trời không hề niệm Phật một câu nào nhưng lúc tu Tứ Niệm Xứ là họ đang sống trong ân đức Tam Bảo. Không hề có chuyện tu Tứ Niệm Xứ mà không biết nghĩ đến Đức Phật để mang ơn Ngài.

Sớ giải nói, nhờ luôn canh cánh các đề mục này nên tâm tư hành giả mới đủ an tịnh để tu tập Tứ Niệm Xứ; và cho ví dụ: giống như một cây búa cùn không thể đốn chặt cổ thụ, người ta phải nhờ đến một cây búa sắc bén và đủ trọng lượng để làm việc đó. Các đề mục vừa kể ở đây có công năng tác dụng giúp tâm ta trở thành cây búa lý tưởng để đốn chặt phiền não.

Một người Hồi Giáo, Thiên Chúa Giáo hay một người không thích Phật, không kính pháp, không tha thiết với cứu cánh giải thoát mà chỉ vì muốn giảm stress họ cũng vô thiền viện thực tập: hít vô thở ra, làm gì biết đó, thì khi đó kết quả sẽ khác. Nếu có duyên lành Ba-la-mật, có giây phút nào sẵn sàng cho niềm tin Tam Bảo thì lúc đó họ mới có thể đắc chứng được. Còn nếu thực hành với tình trạng chưa sẵn sàng tin Phật thì họ không thể đắc chứng được, tôi khẳng định như vậy. Điều đó không có nghĩa là mình niệm Phật thì Phật mới cho mình đắc mà bởi vì niềm tin đủ để đưa đến giải thoát phải là niềm tin yêu cái thiện. Nếu thiếu lòng tôn kính, thiếu lòng tri ân Đức Phật thì có nghĩa là chưa yêu cái thiện lắm. Phật ở đây, không phải là một cá nhân, một nhân vật lịch sử mà phải hiểu Phật là biểu tượng tiêu biểu cho cái thiện. Người tha thiết với cái thiện, chán ghét cái ác thì tự nhiên sẽ thương Phật vì Phật là biểu tượng cho tha thứ, yêu thương, trách nhiệm, không cực đoan, không ngoan cố. Ngài là biểu tượng của sự khách quan, thông suốt, không vướng kẹt trong thành kiến, trong quan điểm cứng nhắc. Người tu tập Tứ Niệm Xứ với một nội tâm buông bỏ thật sự mới hiểu được người Thầy nghĩ ra phương pháp này để dạy cho mình; phải là con người như vậy mới có thể đưa ra pháp môn Tứ Niệm Xứ được.

Có chỗ Ngài nói Tứ Niệm Xứ là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát, còn ở đây Ngài xác nhận 6 pháp này cũng dẫn đến Niết-bàn. Các đề mục này dẫn đến Niết-bàn trong ý nghĩa là hỗ trợ cho pháp môn Tứ Niệm Xứ, giống như tiền bạc hỗ trợ cho cơm, bánh vậy.

1. NIỆM PHẬT (Buddhānussati)

Xin vào Thanh Tịnh Đạo Luận đọc kỹ phần Định, chỗ nói về Sáu Tùy niệm, để thấy xưa nay chỉ có 1% người Phật tử VN biết niệm Phật đúng cách. Người Việt Nam chỉ biết réo tên chứ không phải niệm Phật. Coi trên youtube mà tôi thấy buồn, tôi tiếc là

có nhiều đạo tràng trong nước và ngoài nước không dạy giáo lý cho Phật tử mà chỉ bày ra lay 500 lay, 108 lay... Các đạo tràng đó về mặt tổ chức thì trên cả tuyệt vời nhưng về nội dung thì cực kỳ đau lòng. Với số lượng người đó mà được học giáo lý (100 người được học 20, 30 người) thì bữa nay PGVN mạnh cỡ nào. Đảng này cứ vô là mặc áo tràng thọ Bồ tát giới, đọc kinh bái sám mà không được nghe giải thích, chưa kể tụng kinh tụng chú gì đó mà không hiểu gì hết suốt năm này qua tháng kia, thiệt là uổng vô cùng. Nhìn họ, tôi nhớ đám dân Bắc Triều Tiên, với sự trung thành của họ cộng với sự hà khắc chuyên chế đó mà nếu được hướng dẫn đúng mức thì Bắc Hàn từ 1952 đến giờ - cũng như miền Bắc VN từ 45 đến 75 - đã không như vậy. Tiếc thay người ta đã tận dụng sự trung thành, sự cuồng tín, sự ngoan hiền của đám đông để rồi đưa tất cả vào một quỹ đạo mê lộ. Phải nói một cách phũ phàng như vậy.

Cho nên, niệm Phật là niệm rõ Thế Tôn là bậc A-la-hán. Tại sao là bậc A-la-hán? Vì Ngài là bậc đáng cúng dường, Ngài đã lìa xa mọi phiền não. Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác là vì sao? Vì Ngài đã tự mình giác ngộ một cách đầy đủ.

‘Samma’: đầy đủ, hoàn toàn.

Sambuddho: tự ngộ.

Độc giác là tự mình giác ngộ, trên không có thầy, dưới không có đệ tử, nên chỉ được gọi là ‘Sambuddho’, bậc tự ngộ tự chứng. Chỉ có Toàn giác mới là ‘sammāsambuddho’: tự mình chứng ngộ hoàn toàn rốt ráo, tuyệt đối mọi thứ ở đời. Có chữ ‘samma’ nghĩa là không có sót thứ gì trên đời mà Ngài không biết.

Bhagava. Thế Tôn là vị thành tựu tất cả phước lành và đức lành. Bất cứ phước báo nào, đức lành nào chư Phật cũng có đủ nên gọi là Bhagava. Chữ ‘Thế Tôn’ hoàn toàn không có được ý nghĩa của chữ ‘Bhagava’. Đó là cái bất hạnh của người Việt ta, khi thấy chữ Bhagava là nghĩ đến chữ Thế Tôn và thấy chữ Thế Tôn bèn nghĩ đến chữ Bhagava, trong khi đó chữ ‘bhaga’ là ‘phần’; ‘Bhagava’ là người cái gì tốt nhất Ngài cũng có phần. Đức lành Ngài nào cũng có, phước lành nào Ngài cũng có, có ở mức top (đỉnh), rốt ráo nhất. Vì vậy trong tiếng Hán có một chữ dịch mà VN không biết, đó là “Cụ thoại đức giả”, nghĩa là người có đủ tất cả những gì tốt đẹp nhất trên đời, chữ này mới là dịch đúng được chữ Bhagava. Hạnh lành phước lành nào Ngài cũng

có hết. Ngài Ānanda là đa văn, ngài là Xá Lợi Phất là trí tuệ, ngài Mục Kiền Liên là thiền định, ngài Sīvali là tài lộc... nhưng tất cả những vị này không có điểm nào hơn được Thế Tôn hết.

Lokavidu (Thế gian giải) là bất cứ cái gì của thế giới này Ngài cũng biết. Chữ ‘thế giới’ được định nghĩa ở hai nghĩa: cụ thể và trừu tượng. Theo nghĩa cụ thể thì thế giới này là các cảnh giới, Trời, Người, Khổ Vui gom chung. Nhưng chữ ‘thế giới’ hiểu theo nghĩa trừu tượng là ở đâu có năm uẩn thì ở đó được gọi là Thế giới, ở đâu có nỗi khổ niềm đau, có buồn vui thiện ác thì ở đó được gọi là Thế giới. Không có cái gì trong cái gọi là thế giới trừu tượng hay điển hình ấy mà Đức Thế Tôn lại không biết nên Ngài được gọi là Thế gian giải – Lokavidu.

Anuttaro. Có chỗ kể Anuttaro (Vô Thượng Sĩ) là một hồng danh riêng, nghĩa là một người không ai hơn được về bất cứ khía cạnh tốt đẹp nào. Nhưng cũng có chỗ kể chung Anuttaro Purisadammasarathi (dịch chung là Vô Thượng Điều Ngự). Như vậy Anuttaro trong trường hợp 2 này chỉ là tính từ.

Damma: thiện nghệ, thiện xảo, được đào tạo tới nơi tới chốn.

Sarathi: Người đánh xe, người điều khiển thú kéo xe. Khéo điều khiển những con thú kéo xe.

Người biết đánh xe thì chỉ biết khéo điều khiển những con thú kéo, riêng chư Phật thì hiểu rõ tất cả căn cơ của tất cả chúng sinh, không riêng cá nhân nào, nên mới được gọi là Vô thượng. Quý vị trong room này có người muốn biết ý của tôi khi tôi trưng dẫn cả hai trường hợp: Người biết đánh xe thì chỉ biết khéo điều khiển những con thú kéo, riêng chư Phật thì hiểu rõ tất cả căn cơ của tất cả chúng sinh, không riêng cá nhân nào, nên mới được gọi là Vô thượng. Quý vị trong room này có người muốn biết ý của tôi khi tôi trưng dẫn cả hai trường hợp: Vô Thượng Sĩ là một hồng danh riêng, và là một hồng danh riêng, và Vô Thượng Sĩ là tính từ của Điều Ngự Trượng Phu; riêng tôi (Toại Khanh) thì nghĩ Vô Thượng Sĩ là một hồng danh riêng, vì xét theo văn phạm Pāli thì nếu ‘anuttaro’ là tính từ của ‘Sarathi’ thì nó phải được chia thành ‘anuttarā’ mới đi với chữ ‘i’ trong ‘Sarathi’ được.

Người đánh xe bò trong đời thường chỉ cần biết điều khiển con bò, đánh xe ngựa thì

chỉ biết điều khiển ngựa thôi. Riêng chư Phật thì các ngài biết rõ chúng sinh để các ngài có thể điều khiển. Điều khiển ở đây là hướng dẫn người ta như cách Ngài hiểu về người ta. Vô thượng Điều Ngự là không ai hơn được Ngài về chuyện dạy dỗ chúng sinh hữu duyên. Người vô duyên thì chư Phật không giúp gì được. Người vô duyên không có nền tảng căn cơ giác ngộ vun bồi hàm dưỡng sẵn nhiều đời thì chư Phật lấy mắt đại bi mà nhìn thôi, rồi đến tuổi Niết bàn chứ chư Phật không giúp gì được cho họ. Nếu các ngài có thể làm được chuyện ấy thì hôm nay chúng ta đã lên tòa sen ngồi hết rồi. Cứ nhìn mình thì biết, mình cũng cầu giải thoát mà đến nay mình vẫn phàm phu trăm phần trăm vẫn phiền não tràn trề, vẫn nổi khổ niềm đau đầy ắp. Vì sao? Bởi vì bao nhiêu Phật xuất hiện ở đời mà chúng ta vẫn mãi hoài là kẻ vô duyên, nhưng cũng may chúng ta gặp được giáo pháp của đức Thích Ca Mâu Ni, chúng ta gieo trồng một ít. Nói vậy thôi chứ biết đâu chúng ta có một hạnh nguyện ghê gớm nào đó nên gặp Phật nhiều đời mà không đặc để mai một mình thành cái thứ dữ dội mà mình không biết được. Cho nên, thấy người ta không đặc hay đặc chậm đừng chê, vì mình đâu biết mỗi người có tâm nguyện như thế nào. Chỉ có chư Phật mới biết thôi. Ví dụ như trong kinh, ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ānanda, Ca Diếp cũng gặp Phật biết là bao nhiêu nhưng cũng đâu có đặc. Vì sao, vì hạnh nguyện của các vị này sẽ trở thành đệ nhất này đệ nhất kia, cho nên khi chưa được đệ nhất thì các ngài có gặp bao nhiêu Phật đi nữa cũng không đặc cái gì hết. Xuất gia, tu tập, thiền định, có thần thông, thuộc lòng Tam tạng, rồi stop here, không đi thêm nữa. Cứ gieo duyên như vậy cho đến bao giờ gặp được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rồi trở thành đệ nhất này đệ nhất kia. Tuy nhiên, đa phần bây giờ chúng ta còn ở đây vì nhiều đời chúng ta là người vô duyên khi gặp chư Phật.

Devamanussāsam (Thiên Nhân Sư) nghĩa là Ngài là thầy của ba cõi. Cõi Vô Sắc giới thì chư Phật không lên đó vì trên đó đâu có hình dáng gì đâu mà các ngài lên. “Thầy ba cõi” có nghĩa là chúng sinh ở trình độ nào thuộc Dục giới, Sắc giới hay Vô Sắc giới đều phải xem Ngài là thầy. Ví dụ như những vị đạo sĩ đắc thiên Vô sắc đi nữa họ vẫn phải hiểu rằng ta phải dựa vào Thế Tôn để ta giải thoát chứ ta không thể ôm thiên Vô sắc này mà đi về cõi Vô sắc được, nếu người đó hữu duyên. Chữ Thiên Nhân Sư

ở đây có nghĩa là Ngài có thể làm thầy cho mọi trình độ. Thiên Nhân Sư ở đây có nghĩa là không bỏ sót cõi nào, trình độ nào, cảnh giới nào Ngài cũng có thể làm thầy họ được hết, không ai mà Ngài nhìn lại không biết căn cơ sở tánh của họ. Trong đời này một ông thầy giỏi lắm thì cũng chỉ dạy cho một ít người trong khuôn khổ bởi cảnh hạn chế trong không gian điều kiện nào đó thôi, riêng Thế Tôn chỉ cần hữu duyên thì làm sao, ở đâu Ngài độ cũng được. Ví dụ nhưng mình là ông thầy giáo Nhật Bản lỗi lạc đi chẳng nữa, mình không biết tiếng Anh thì dạy cho ngoại quốc được, mà dù cho mình biết tiếng Anh nhưng người học không biết tiếng Anh, không biết tiếng Nhật thì làm sao dạy. Đức Phật thì không bị hạn chế bởi bất cứ rào cản, giới tuyến nào hết, nên Ngài được gọi là Thiên Nhân Sư.

Phật – Buddho. Buddho có hai nghĩa:

- (1) Tỉnh dậy từ chiêm bao, từ giấc ngủ vô minh. (kilesanidda bujjhatiti buddho).
- (2) Hiểu biết Bốn Thánh Đế (ariyasaccani bujjhatiti buddho)

2. NIỆM PHÁP (Dhammānussati)

Niệm Phật là niệm theo bài Niệm Phật là niệm theo bài Itipi so. Niệm Pháp là niệm theo bài . Niệm Pháp là niệm theo bài Svakkhāto. Niệm Tăng là niệm theo bài . Niệm Tăng là niệm theo bài Suppaṭipanno. Tại sao phải niệm ba bài này? Ba bài này là do chính Đức Phật dạy và đề nghị ta niệm tưởng (xem Kinh Dhajaggasutta). Vì sao? Vì nội dung, ý nghĩa của 3 bài này có đủ những khía cạnh quan trọng của ân đức Tam bảo do chính Đức Phật thuyết giảng.

Trong bài kinh Dhajaggasutta, chính Ngài có nói rõ ba bài này, vì Ngài xét thấy rằng để nói về chư Phật Chánh Đẳng Giác thì nói bài Itipiso là đã tạm đủ. Nói đến ý nghĩa, giá trị, nội dung, tinh thần, lý tưởng của cái gọi là Pháp bảo, là chân lý muôn đời mà chư Phật là những người phát hiện chứ không phải là những người chế biến ra. Để nói đến ân đức Tam bảo thì chỉ có bài Trong bài kinh Dhajaggasutta, chính Ngài có nói rõ ba bài này, vì Ngài xét thấy rằng để nói về chư Phật Chánh Đẳng Giác thì nói bài Itipiso là đã tạm đủ. Nói đến ý nghĩa, giá trị, nội dung, tinh thần, lý tưởng của cái gọi là Pháp bảo, là chân lý muôn đời mà chư Phật là những người phát hiện chứ

không phải là những người chế biến ra. Để nói đến ân đức Tam bảo thì chỉ có bài Svakkhāto là ngắn gọn mà đầy đủ. Để nói ân đức thánh hiền ba đời, những vị đệ tử của chư Phật Toàn Giác thì phải nói rằng bài là ngắn gọn mà đầy đủ. Để nói ân đức thánh hiền ba đời, những vị đệ tử của chư Phật Toàn Giác thì phải nói rằng bài Suppatipanno tuy gọn nhưng cũng đủ chớ không phải thiếu. Khi cần nói nhiều thì chư Phật luôn nói đủ, không nói dư. Khi cần nói ít thì các ngài nói ngắn gọn, không nói thiếu.

‘kevalaparipunṇa’: đầy đủ không thiếu không dư.

Sẵn đây, xin bà con nhớ lại câu nói này của A. Einstein: “Đơn giản thì tốt, nhưng đơn giản quá thì không nên. Đơn giản là đủ là gọn, đơn giản quá thì là thiếu thốn.” Nhiều cũng vậy, nhiều đến mức quá nhiều thì hóa dư. Ít cũng vậy, đơn giản, gọn, đủ mà không dư. Ít quá thì thiếu.

Có người cứ nói sống thiếu điều kiện quá không sống nổi, tu mà thiếu quá thì không tu nổi, thế là họ chất đầy một phòng, đầy một nhà. Nhưng có kẻ rơi vào một cực đoan khác: tu là phải bỏ hết. Thế là bỏ hết, cuối cùng không có đồ xài. Tới đây, nên quay về với bài kinh Bấy Mồi, Trung Bộ Kinh về bốn bầy nai, tức bốn thái độ sống và tu: Bầy nai 1 ham mồi đến mức quên chết. Bầy nai 2 sợ chết đến mức cực đoan nên thiếu ăn nghiêm trọng, rồi tìm mồi trong sự bất cẩn, phải chết. Bầy nai 3 ăn mồi cẩn thận, nhưng chỗ rút lui vẫn còn nằm trong khu vực nguy hiểm. Bầy nai 4 ăn mồi khôn ngoan và rút lui chỗ thật sự an toàn.

Hạng người nghĩ tu mà thiếu quá làm sao tu, thế là tha về một núi đồi, đó là cực đoan thứ nhất, sợ thiếu nên cái gì cũng tha về. Trường hợp thứ hai thì sợ dư nên cái gì cũng bỏ đi, rồi một ngày kia nhận thấy mình thiếu nhiều quá, sau một thời gian dài bị thiếu bèn tha về trong sự thiếu kiểm soát. Tôi biết có những người nổi hứng lên học hạnh ngài Ca Diếp, ngài Pa Auk, cái gì cũng liệng hết không giữ, một ngày kia bèn phát hiện thiếu ấm nấu nước. Tắm không có nước nóng, tắm không nổi; ban đêm lạnh không có nước nóng, uống không nổi... thế là bèn ra tha về cái nồi nấu nước. Buồn ngủ thì chợt nhớ thuở nào có cà phê cứu khổ hay lắm mà bây giờ sao thiếu cà phê bèn tha về cái máy pha cà phê. Ngồi lâu đau lưng quá bèn tha về cái máy đấm lưng. Có

cái tật hay lạnh bàn chân bèn tha về cái máy sưởi ấm. Cuối cùng thì cái nhân vật đệ nhất tri túc mà tôi suýt quì lạy mấy lần ấy đã tha về một lượng cực lớn chỉ vì có thuở nàng đã rơi vào tâm thái cực đoan thiếu kiểm soát, cho rằng tu là liệng. Khi liệng hết không còn đồ xài, trong cơn khát khao túng thiếu ấy nàng bèn tha về trong tình trạng thiếu kiểm soát. Còn nàng thứ hai thì sợ thiếu nên tha về đủ mọi thứ, ban đêm đi lại trong phòng không có đèn pin mà không té mới lạ.

Cho nên, chữ thiếu, chữ đủ, chữ dư trong đạo Phật lớn chuyện lắm chứ không phải nhỏ. Đơn giản được thì tốt nhưng nhớ đừng đơn giản quá. Đơn giản nghĩa tích cực là đủ mà không dư. Còn đơn giản quá thì thành ra thiếu. Đủ nghĩa là không thiếu, nhưng đủ mà thêm chữ quá thì thành ra dư. Trong đạo Phật kỵ chữ ‘quá’ vì ‘quá’ là cực đoan. Nếu tôi không lầm thì hình như từ khoa học đến văn học nghệ thuật cái gì cũng kỵ chữ quá hết. Cả khoa học lẫn nghệ thuật đều kỵ chữ ‘quá’ bởi vì A. Rodin có nói thế này: “Đem về một khối đồng, một cục đá, bỏ đi cái thừa, phần còn lại là tác phẩm”. Tu hành là một hành trình điêu khắc chứ chẳng có gì cao siêu. Trong điêu khắc, không bỏ hết những chỗ thừa cũng là một cái vụng. Hơi quá tay trong chuyện dẻo gọt, thay vì nên để lại lấy đi, thế là thiếu. Thiếu hay thừa đều là đại kỵ trong nghệ thuật nói gì là khoa học. Tưởng một bài thơ làm đơn giản, nhưng không, nếu dư một chút hay thiếu một chút thì không còn là thần bút nữa.

Khéo thuyết giảng: Khéo thuyết nghĩa là chỉ ở mức cần và đủ. Nghĩa là đối với A, B, C, F, Ngài chỉ nói ngay đúng chỗ họ cần, thiếu không được, dư không được. Điểm độc đáo của vị Chánh Đẳng Giác là sự chuẩn xác, không ít hơn sự cần thiết và không nhiều hơn sự cần thiết.

Sanditṭhiko pháp phải được tự mình nhận thức, không thể do vay mượn từ ai, kể cả chư Phật.

Mình có ngồi kể bên Đức Phật cũng không thể đắc đạo bằng sự gia trì, bằng sự hà hơi tiếp sức. Ngài chỉ gợi ý cho kẻ hữu duyên, không thể là kẻ vô duyên. Đừng tưởng Ngài thần thông, phép mầu, phước báu, đại bi, gom hết lại hà hơi tiếp sức cho người kể bên đắc quả được. Chư Phật không thể nào, không có khả năng làm chuyện đó. Nếu cao hứng mình tán thán rằng Ngài có thể hà hơi tiếp sức cho cả người vô duyên

thiếu Ba-la-mật chứng thánh, thì mình đang kín đáo phỉ báng chư Phật. Nghĩa là mình đang nói chư Phật thiếu từ bi. Nếu chư Phật có đủ sức độ cả kẻ vô duyên thì tại sao hôm nay còn một lũ đau khổ ngồi đây, hay hồi xưa mình quên niệm nên Ngài không nghe? Dù phước báu vô lượng, từ bi vô lượng nhưng chư Phật không thể nào độ kẻ vô duyên.

Pháp được chư Phật thuyết là viên mãn cụ túc, không thiếu không dư, luôn luôn chính xác ở mức cần và đủ. Pháp phải được tự mình nhận thức, không ai giác ngộ giùm mình được.

‘saka’: tự mình, của mình, do mình

‘ditṭhi’: thấy

Akāliko: vượt ngoài thời gian tính.

Cứu cánh cao nhất của chánh pháp là sự chứng ngộ thánh trí. Thánh đạo vừa xuất hiện thì thánh quả lập tức có mặt. Thánh đạo có mặt thì tà đạo lập tức vắng mặt, tùy tầng thánh nào mà bỏ được bao nhiêu tà đạo. Thánh đạo có mặt thì ngay lập tức vấn đề tái sanh cũng được giải quyết, tùy tầng thánh.

Chỉ cần một sát-na thánh đạo thì toàn bộ dòng luân hồi bị đình chỉ lập tức. Ở tầng Sơ đạo thì dòng luân hồi còn lăn bánh thêm một ít mới dừng hẳn. Nhưng khi tâm Tứ đạo xuất hiện, ngay trong một sát-nà thì toàn bộ dòng luân hồi xưa nay bị cắt đứt triệt để.

Sát-na là gì? Sát-na là đơn vị tâm lý xét về mặt sự kiện hay thời gian đều được hết, giống như một toa tàu trong một đoàn tàu. Theo giáo lý A-tỳ-đàm, trong một khoảnh khắc mình nhìn thấy cái hoa, từ cái lúc con mắt mình chụp hình rồi đưa vào bên trong biết đây là hoa hồng chứ không phải hoa gì khác, biết rõ nó tên gì, biết rõ nó màu đỏ, mình thích hay là ghét, rồi nhớ đến bao nhiêu kỷ niệm... tất cả những cái đó có thể diễn ra trong thời gian vật lý 1 phút. Tức là vừa liếc thấy bông hồng là biết nó là bông hồng chứ không phải bông gì khác, biết nó là màu đỏ chứ không phải là màu gì khác. Vừa nhìn nó là mình “bâng khuâng mùa nắng hạ” liền, trong một phút thôi mình chợt nhớ sáng nay vừa tặng bông hồng cho ai ở phi trường, ở sân ga, nhớ liền. Đó là nói theo kiểu người không học A-tỳ-đàm. Còn theo A-tỳ-đàm thì giải thích thế này, từ lúc anh thấy cái hoa đó, anh biết nó là hoa hồng, biết nó là màu đỏ và nó gợi ý cho anh

một hồi tưởng nào đó trong quá khứ gần hay quá khứ xa, và một sự kiện buồn hay vui nào đó thì trong khoảnh khắc 1 phút vật lý của đồng hồ ấy nó đã là sự diễn ra của hàng tỷ sát-na tâm. (Ai lần đầu nghe điều này sẽ giựt mình hoặc cười nhếch mép, đạo gì mà chi tiết như vậy, có thật không đó...). Vì vậy khi không học đạo mình thấy có cái tôi, khi học đạo rồi thì mình thấy cái gọi là A, B, C, F, thằng Tèo, con Lan, con Đào, con Cúc chỉ là tên gọi cho một dòng chảy liên tục miên viễn không có điểm dừng. Lúc thiện lúc ác, lúc buồn lúc vui luôn luôn tiếp nối nhau. Ông Héraclite của Hy Lạp nói rằng: Chúng ta không thể nào bước xuống hai lần trên cùng một chỗ của dòng nước. Và kỳ lạ thay, cách nghĩ đó của ông rất ăn khớp với tinh thần vô ngã, tinh thần duyên khởi của PG Nguyên Thủy. Có nghĩa là cái con người mình nhìn thấy mình thương yêu lát sau mình nói chuyện là mấy trăm ngàn con người chứ không phải là một nữa, nói gì là kẻ mình quen ngoài phố sau đó hẹn hò rồi cưới. Nghĩa là mình thương một người mà cưới một người khác, sau khi người cũ đã chết sống rất nhiều lần qua những trường đoạn tâm tư, bao nhiêu là khúc quanh, bao nhiêu là của lối rẽ thiện, ác, buồn, vui. Mình công con người ấy về để chung giường chung chiếu mà không hề ngờ rằng kẻ đó thực ra đã sinh tử qua bao nhiêu trường đoạn tâm lý.

Được gọi là Akālika nghĩa là chỉ ngay trong một tích tắc vị ấy thấy rằng mọi thứ ở đời là khổ nên đam mê cái gì cũng là đam mê trong khổ, muốn hết khổ thì đừng đam mê trong khổ nữa. Nhận thức như vậy chính là con đường thoát khổ. Ngay trong tích tắc nhận thức như vậy, nếu đắc Sơ quả thì chúng ta tối đa chỉ còn bảy lần đầu thai. Còn nếu nhận thức như vậy ở một mức độ rất ráo hơn thì chúng ta chứng Sơ đạo, chúng ta chỉ còn có một lần trở lại cõi Dục.

Nếu cũng nhận thức đó mà ở mức rất ráo hơn nữa thì chúng ta không còn trở lại cõi Dục, chúng ta chỉ còn sanh về cõi Sắc giới và Niết bàn luôn ở đó. Cũng nhận thức đó nhưng ở mức rất ráo nhất thì chúng ta chứng La-Hán. Quả vị La-Hán chỉ là một sát-na thôi. Nghĩa là nếu xét về thời gian vật lý thì nó chỉ là một phần tỷ của một phút đồng hồ. Ngay khi sát-na đó xuất hiện rồi thì lập tức dòng chảy luân hồi mấy triệu tỷ tỷ ngàn đại kiếp kết thúc ngay đây, không đi nữa.

Một lần Đức Phật nhậ lên một hòn sỏi và hỏi chư tăng: “Này các tỳ kheo, các người

nghe thế nào, nếu giả định trước mặt Như Lai có bảy hòn sỏi nhỏ thế này, thì bảy hòn sỏi đó xét về kích thước trọng lượng có thể so với dãy núi Himalaya không.” Chư tăng thưa: “Bạch Thế Tôn, không thế nào, 7 hòn sỏi nhỏ xíu đó chẳng là bao nhiêu so với một khối đá nói gì là dãy núi ba ngàn do-tuần.” Đức Phật dạy: “Cũng vậy, này các tỳ kheo, vấn đề tồn đọng mà vị Tu-đà-hoàn phải giải quyết, phải vượt qua, phải kết thúc chỉ là 7 hòn sỏi so với chiều dài sinh tử đằng đằng ngồn ngộn vấn đề.” Nghĩa là chỉ còn lại 7 kiếp tái sinh, vị này chỉ còn lại 7 hòn sỏi để mà giải quyết, để mà dứt điểm thôi, còn chuyện vị này đã giải quyết xong xuôi thì cả dãy núi vấn đề. Từ chỗ chỉ một sát-na tâm thôi mà giải quyết được cả chừng ấy việc. Cho nên cứu cánh tinh thần giải thoát của chánh pháp được gọi là Akālika, nghĩa là vượt ngoài thời gian.

Ehipassiko.

‘Ehipassiko’, chữ này dịch sát nghĩa kỳ lắm “có ngon thì tới đây coi”. ‘Ehi’: tới đây.

‘Ehipassika’: thách thức mọi thử nghiệm

Ehipassiko nghĩa là mình có lòng hoang mang về giáo pháp, hoang mang về đường lối hành trì thì hãy tự hỏi lòng đi, giáo pháp này được Thế Tôn thuyết giảng với mục đích gì? Để thoát khổ. Ngài đã từng dạy rằng trong mấy mươi năm hoằng đạo ta chỉ nói đến hai chuyện, vạch rõ cho chúng sinh thấy cái gì là khổ và con đường thoát khổ. Nếu như vậy mà mình có lòng nghi ngờ thì hãy ngồi xuống nhắm mắt lại, sống chánh niệm tí ti xem nó ra làm sao. Chứ còn bỏ ra một tháng, một năm, mười năm, hai mươi năm để nghi ngờ, hoang mang, dùng lý luận ba xu để đánh giá nhận xét Phật pháp thì tào lao lắm. Có ngon thì ngồi xuống để thực nghiệm xem đời sống chánh niệm là cái gì, tại sao nó đơn giản như vậy mà lại là con đường thoát khổ. Tại sao xia răng biết là xia răng, tiểu tiện, tắm rửa, ăn uống, buồn vui thiện ác, mỗi khoảnh khắc suy tư và hành động lớn bé thấy đều được ghi nhận bằng chánh niệm – chỉ đơn giản thế thôi mà sao được gọi là con đường giải thoát? Hãy ngồi xuống thử đi. Chứ còn chúng tôi cứ ru anh như ru trẻ thì tới già anh cũng không hiểu đâu. Đạo này ky với niềm tin suông, nếu chỉ vì niềm tin suông mà đến thì mai này cũng vì niềm tin suông nào đó sẽ bỏ đạo mà đi. Cho nên đạo này là đạo thách thức mọi thử

nghiệm, Ehipassiko. Cái gì mà anh thắc mắc thì nó có đủ cơ sở để anh tìm hiểu. Anh có thắc mắc thì anh phải bỏ thời gian ra sống chết với nó. Theo chỗ tôi được biết, không có hệ thống giáo lý nào chặt chẽ nhất quán cho bằng kinh điển Pāli trong PGNT. Chỗ này không có chống trái, mâu thuẫn, đối lập lẫn cần với chỗ khác, không có trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Nếu mình thấy có chỗ trục trặc thì mình tự xét xem mình hiểu có tới chưa, hoặc tài liệu mình xem có phải là có vấn đề hay không.

Opanayiko: hướng thượng.

Một lần đó bà Gotami, dì ruột của Thế Tôn, lúc này đã là một vị La-Hán tử kheo ni đến lạy Phật và hỏi: Bạch Thế Tôn mai này khi Thế Tôn không còn nữa thì hàng hậu tấn sẽ có không ít người hoang mang nghi hoặc ngờ vực vì ai cũng nhận đây là Phật ngôn, là lời Phật dạy, thì chúng con phải dựa vào đâu để có thể kiểm định xác tín, đâu là pháp nhũ Phật thân, đâu là lời dạy thứ thiệt của Thế Tôn. Đức Phật dạy: Pháp môn nào mà hội đủ tám điều kiện sau đây thì đó chính là Phật dạy: Càng hành trì càng trí tuệ, càng hành trì càng tinh tấn ...độc cư, dễ nuôi, an lạc; đó là những tiêu chuẩn cần có, phải có ở một bài nói, một câu nói, một đoạn văn, một đoạn kinh. Còn càng theo mà trí tuệ, tinh tấn, độc cư, dễ nuôi, an lạc... không có thì phải xét lại.

Rất nhiều người đã đem cả một trái tim trong sáng, một tấm lòng phải nói không chê vào đâu được đi vào thờ một ông thầy, bà thầy cạo đầu mặc áo tu mà cả đời mấy chục năm chỉ biết ngày hai buổi đi làm ruộng, ngày hai buổi công phu, thầy ném cho một cuốn kinh toàn là bái sám, toàn là nội dung bản thân mình không hiểu. Có những buổi chiều từ trên núi cao nhìn xuống phố mà lòng cứ tự hỏi về hay ở hà ta, ở đây thì ở với cái gì, về là trở lui với cái cõi mà mình một thời đã chán sợ. Tôi biết trường hợp đó nhiều lắm, vì tôi là thầy chùa, tôi có nhiều cơ hội để tôi nghe nhiều sư cô, nhiều thầy tâm sự như vậy. Tôi nói hơi rõ một chút mà không nói cụ thể, một sư cô ở Vĩnh Long kể tôi nghe, đi tu với thầy bảy năm trời chỉ biết làm ruộng, trong khi ở nhà mình thì ruộng đó mình đã ngán lên tới óc rồi. Sư phụ thì giảng cái vòng đưa kéo kẹt, tới mùa bán lúa xong thì sư phụ nằm ì đó xòe tay lấy tiền bán lúa nhét vào túi, và bắt đầu chỉ đạo bảo ban cho vụ mùa mới. Suốt bao nhiêu năm trời, đầu trọc mặc áo tu mà chỉ có chừng đó thôi thì không gọi là 'Opanayiko'. Vì gọi là opanayiko có nghĩa là một cái

hành trình nhận thức và hành trì mà qua đó theo thời gian, theo dòng chảy năm tháng và tuổi tác chúng ta ngày một đi lên. Người ta đại căn đại duyên thì một sớm một chiều đắc ‘cái rẹt’ lên thẳng cỏi Niết bàn tòa sen ngất ngưỡng, còn không thì mình cũng năm dài tháng rộng, càng tu não phiền mỏng mòn dần, có đâu mà càng tu cái càng bỏ thì dày, cái càng có thì mỏng.

Opanayiko là con đường đã bước vào rồi thì chỉ còn có nhận thức thôi. Có nhận thức chín chắn đầy đủ về nó là mình đã thăng hoa, đã bốc hơi lên cảnh giới khác, một tâm cao, một chiều cao mới an lạc hơn, sáng sủa hơn. Nếu đủ duyên đắc chứng thì vĩnh viễn lìa bỏ cỏi hồng trần sinh tử trầm luân này. Opanayiko, lìa bỏ con người cũ.

Paccattam veditabbo viññūhi: chánh pháp chỉ được nhận thức bởi người hiền trí, tức kẻ chịu nhìn lại mọi định kiến.

Nghĩa là, trước khi, đang khi mình biết Phật pháp, vốn dĩ trong cái đầu bư của phàm phu mình có biết bao nhiêu là biên kiến, định kiến và thành kiến về bao nhiêu là vấn đề trong thế giới này (văn hóa, nghệ thuật, đạo đức, xã hội, tín ngưỡng, tâm lý, triết học...) nhưng khi biết đạo rồi thì mình nên làm gọn lại vấn đề, thu gọn lại cảnh giới rong ruổi. Chỉ nhớ một chuyện thôi: khôn cho lắm cũng chết, ngu cho lắm cũng chết, sướng khổ cho lắm cũng chết, thiện ác cho lắm cũng chết... Nếu như vậy, trong mấy chục năm này mình có nên dành ít thời gian cho những câu hỏi sau đây: Tôi là ai trong cuộc đời này? Ở đâu tôi tới? Tôi sẽ về đâu? Bây giờ tôi phải làm gì? Người mà biết trăn trở như vậy mới có nhu cầu đến với chánh pháp, còn không mà cứ nghĩ đến chuyện chết rồi sanh về cỏi này coi kia, còn không nữa thì ngay bây giờ lạy Phật, cúng Phật mong được mua may bán đắt, may mắn trong tình yêu gia đạo v.v... với não trạng đó thì đừng có hòng tìm được nhận thức đúng đắn và cần có đối với lời dạy của chư Phật. Vì sao? Vì các ngài một đời hoằng hóa độ sinh chỉ nói đến hai chuyện thôi, đó là ngài vạch rõ cho mình thấy cái gì là cuộc đời: Đời = khổ và Khổ = cuộc đời. Không có gì ngoài ra. Thứ nhất là Ngài nói về cái khổ, là bản chất của đời sống và thứ hai là Ngài nói cho mình biết con đường đi ra khỏi nó. Cả đời của Ngài từ năm 35 tuổi đến năm 80 Ngài chỉ có làm hai việc: Ngài cho mình biết mình đang là ai, mình đang có mặt trong một cỏi đời như thế nào; và điều thứ hai, Ngài dạy, nếu con

muốn thì đây là con đường để con ra khỏi cuộc đời này, cái cuộc đời mà hạnh phúc là do ảo giác, đau khổ là do hiểu lầm. Một thế giới mà gia tài chỉ có hai là hạnh phúc và đau khổ mà một cái là do ảo giác, một cái do hiểu lầm thì con nghĩ mình có nên đi hay không? Bốn mươi lăm năm ấy Ngài chỉ dạy chừng đó thôi, phải có nhận thức đó mình mới đến với đạo được.

Vì vậy, đặc điểm thứ 6 của chánh pháp là đạo này chỉ dành cho người hiền trí mà thôi. Chứ còn kẻ sống trong máu lệ mà còn đi tìm một chỗ nương trong cõi phù du thì người này chưa đến lúc gõ cửa Không môn. Phải có một lúc biết thao thức, biết trăn trở, tự dẫn xé với những câu hỏi mà tôi đề nghị: mình là ai, ở đâu mình tới, chết rồi mình đi về đâu và bây giờ khoảng thời gian còn lại mình nên làm gì, suy tư kiểu gì? Không lẽ bây giờ cứ đói ăn khát uống, còn trẻ thì đi bán tuổi trẻ kiếm tiền, tới già lấy tiền mua tuổi trẻ? Rồi lăn đùng ra, đờm khôn đờm ngu, đờm sướng đờm khổ cũng chun xuống cái lỗ hai thước rồi chờ mục rã? Người trí phải biết suy nghĩ những điều đó.

Đọc lời tâm sự cận tử của Steve Jobs – ông tổ Apple- mới thấy thấm:

“Tôi đã đạt đến tột đỉnh của thành công. Trong con mắt người khác, cuộc đời tôi là một biểu tượng của thành công. Tuy vậy phía sau của công việc tôi có rất ít niềm vui. Tài sản của tôi cuối cùng cũng bình hóa với tôi. Trong lúc này trên giường bệnh viện, hồi tưởng về cuộc đời, những lời khen ngợi, tự cao, tự hào về tài sản nhưng tôi cảm thấy thật vô nghĩa trước tử thần, cái chết.

Trong bóng tối, khi nhìn ánh đèn màu xanh và tiếng ồn ào của máy dưỡng khí, tôi cảm nghiệm được những hơi thở của tử thần rất gần kề. Bây giờ tôi mới hiểu thấu, nếu một lần bạn đã có tiền đủ cho cuộc đời của bạn, bạn hãy đeo đuổi một mục đích khác không liên quan đến tiền bạc. Nên tìm một điều gì quan trọng hơn...”

Ông đã có trong tay bao nhiêu thứ mà hàng tỷ người mơ ước, từ kiến thức, danh tiếng, tiền bạc, đến khi nằm nghe cái máy dưỡng khí mới bỗng nhận ra ý nghĩa đằng sau của cuộc đời này, thì ra những thứ mà ông có đến bây giờ đâu có thứ gì giúp được ông đâu, ngoài nhận thức tí ti về lẽ sống và sự chết.

Trong Facebook của tôi có đăng lá thư của cô gái 27 tuổi bị ung thư. Trước khi chết cô đã nói nhiều câu thứ thiệt (Không phải là những câu giả vờ mà mình vốn thấy

nhân nhân. Em nào lên đó cũng đăng nội dung tu hành thấy sao mà nổi da gà).

Paccattam veditabbo viññūhi là Đạo chỉ dành cho người hiền trí, tức là những người biết nhìn lại những lỗi mòn mà đôi chân gầy guộc của mình đã từng đi qua.

3. NIỆM ÂN ĐỨC TĂNG (Saṅghānussati)

Ân đức Tăng niệm theo bài Suppaṭipanno. Vì bà con đề nghị nên tôi giảng cho vui vậy thôi chứ bà con vào trong Thanh Tịnh Đạo Luận, phần Định, chương giảng về 6 tùy niệm bà con sẽ thấy đầy đủ hơn. Ở đây tôi giảng sơ sơ làm nền cho những bà con không hứng thú đọc mà chỉ thích nghe.

Suppaṭipanno bhagavato sāva-kasaṅgho.

Chư tăng là gồm những người đi theo Chư tăng là gồm những người đi theo thiện đạo, trực đạo, chánh đạo.

Thiện đạo (đường đúng) là con đường dẫn tới an lạc, đời này đời sau, con đường dẫn đến sự chấm dứt sinh tử. (su: tốt).

Trực đạo (đường thẳng) là con đường không thiên lệch về khổ hạnh hay lợi dưỡng, không lọt vào thành kiến, định kiến. “Cái gì đúng thì thôi”. Nhiều người VN khoái nói câu này lắm mà không hiểu rằng toàn bộ Phật pháp nằm trong câu này. Trong khi đó thì họ lấy câu này để đi 8 hay nói dóc. Sắp chửi người ta là xằng quẩn khuynh tay chống nạnh (chống bằng mu bàn tay) “Không phải tui nhiều chuyện, tui không phải nói xấu bà, nói không phải nói,... cái gì đúng thì thôi, cái gì phải thì thôi”. Mỗi lần tôi nghe họ nói câu đó tôi tiếc, tôi nói, trời ơi, cái này là pháp sư tái sanh nè! Có điều là chỉ nhớ đến cái đề thôi chứ không nhớ cái nghĩa. Trong đạo Phật, câu “cái gì đúng thì thôi” nghĩa là cái gì làm cho mình vui, người khác vui, đời này vui, đời sau vui thì cái đó mình mới làm. Cái gì dẫn đến sự chấm dứt sinh tử thì cái đó mình mới làm. Cái gì đúng thì thôi.

Trực đạo là đường thẳng mà đi, VN có câu, “gái có chồng cứ đường thẳng mà đi, không đi ngang về tắt”, đó cũng là câu trong kinh, rất là hay. Đường thẳng mà đi nghĩa là không quẹo bên đây bên kia. Con đường ngắn nhất là con đường thẳng vì nó không vướng kẹt bởi phía nào hết, không dừng lại bởi những mời gọi, những thử

thách. Chạy theo cái mình thích cũng là sai, cứ né cái mình ghét thì cũng không đúng. Cứ đường thẳng mà đi không theo cái thích cũng không trốn cái ghét. Chuyện cần đi thì đi, chuyện cần làm thì làm, cần nói thì nói, cần nghĩ về cần nhớ đến thì cứ nghĩ về, nhớ đến, đó là cứ đường thẳng mà đi. Cái gì phải thì thôi.

Chư Phật là những người tự ngộ, trên không thầy nhưng dưới thì có trò. Còn Thỉnh Văn là những vị trên có thầy, dưới cũng có trò. Thỉnh Văn là những vị không thể tự mình tìm ra con đường giải thoát nhưng sau khi học đạo từ Đức Phật một cách gián tiếp hay trực tiếp, vị này cũng có thể trao truyền kinh nghiệm nhận thức ấy cho người khác. Sẵn đây tôi cũng nói luôn, kinh nghiệm giải thoát nếu không được học từ Phật toàn giác thì ai cũng phải mất ít nhất 2 a-tăng-kỳ đại kiếp và 100 ngàn đại kiếp. Con đường đó là gì? Chỉ đơn giản thôi, biết rõ: đây là thiện, đây là ác, đây là buồn, đây là vui, biết rõ tôi chỉ là một khối tổng hợp của thiện, ác, buồn, vui, mọi thứ do duyên mà có rồi cũng vì do duyên mà mất đi, chỉ với nhận thức này thôi. Và tất cả những cảm giác có được từ nội tâm của tôi do thiên định hay do phiền não, tất cả đều vô ngã, vô thường. Biết rõ mọi thứ ở đời là khổ, đam mê cái gì cũng là đam mê trong khổ. Muốn hết khổ thì đừng đam mê trong khổ nữa. Nhận thức này chính là con đường thoát khổ. Khi tôi phát biểu những công thức này, chỉ mất một phút rưỡi thôi. Nhưng để có được chừng ấy nhận thức mà không cần thầy cần kinh sách gì hết thì một người cầu đạo giải thoát phải mất 2 a-tăng-kỳ đại kiếp! Muốn đắc Độc Giác thì phải mất chừng ấy thời gian, còn nếu anh không phải là Độc Giác thì chỉ có con đường thành Toàn Giác hay Thỉnh Văn thôi. Toàn Giác thì lâu quá. Toàn Giác tu hạnh trí tuệ thì phải mất 20 a-tăng-kỳ, gấp 10 lần Độc Giác. Toàn Giác mà hạnh tinh tấn thì mất 80 a-tăng-kỳ.

Niệm Tăng là niệm như vậy, niệm những vị hành trì theo lời dạy của chư Phật. Và Tăng ở đây là ám chỉ cho vị tối thiểu là Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Tăng - đệ tử Thế Tôn, đếm đôi thì có bốn: Sơ đạo, Sơ quả; Nhị đạo, Nhị quả; Tam đạo, Tam quả và Tứ đạo, Tứ quả. Còn đếm chiếc nghĩa là xé nhỏ bốn đôi ra thành tám chiếc. Có những vị cứ hỏi Tăng là phàm tăng hay thánh tăng, xin thưa tùy chỗ mà hiểu.

Tôi hồi ngày xưa tôi có kinh nghiệm nhỏ xíu này. Tôi cũng từng đi vượt biên, tôi cũng từng bị nhốt một tháng mấy. Tôi nhớ trong đó có nội quy bắt mình kêu tất cả những người, những tay canh mình trong đó (chỗ tôi bị nhốt không phải là nhà tù mà là đồn công an huyện) là cán bộ. Ở vài hôm tôi biết cha này không là cái gì hết, chỉ là tà lọt, nhân viên sai vặt thôi. Trong trường hợp đó, ngay hoàn cảnh đó, nơi chốn ấy, không gian ấy, thời gian ấy thì chữ ‘cán bộ’ mang nghĩa khác nhưng trong trường hợp đặc biệt nào đó chữ ‘cán bộ’ mang nghĩa khác. Ví dụ như mình đến đại sứ quán của VN ở Thụy Sĩ hay ở Pháp, mình nghe người nào đó nhắc đến chữ ‘cán bộ’ thì phải hiểu chữ ‘cán bộ’ ở đây không giống như mấy cha coi tù thời mình bị nhốt. Chữ ‘Tăng’ ở đây cũng vậy, tùy chỗ mà hiểu, không phân biệt tăng tục, nam nữ, miễn lọt vô trong các tầng thánh thì gọi là Tăng.

Sở dĩ có những trường hợp không nói đến phàm là vì sao? Hôm nay mình là một tỳ kheo thuộc lòng Tam Tạng nhưng tối nay mình tắt thở rồi mình sanh về đâu trời biết. Nếu mình sanh trở lại mà tiếp tục làm người có chánh kiến thì phải mất ít nhất mười lăm mười tám năm mình mới có được nhận thức, còn không thì khi đã đi vào các cảnh giới tái sanh biên biệt, hun hút, sâu thẳm, thì những nhận thức của mình phải xếp xó chờ một lần khai thị nào đó của chư Phật. Chư Phật nhìn mình và nhắc lại chuyện xưa bằng một câu nói nào đó điểm nhãn, khai thị cho mình. Còn không thì mình âm thầm mang hạt giống bồ đề đó nổi chìm trầm luân trong ba cõi sáu đường. Nhận thức, niềm tin, trí tuệ của phàm phu chỉ là tương đối. Vị Tu-đà-hoàn thì không, vị Tu-đà-hoàn một khi đã có tâm thánh quả Tu-đà-hoàn xuất hiện rồi thì từ đó đến khi Niết bàn chứng quả A-la-hán vị đó không bao giờ có sự thay đổi trong nhận thức đối với Tam bảo, Tứ đế, 12 duyên khởi.

Trong kinh kể thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, có một vị đệ tử mới có năm bảy tuổi đã đắc quả A-la-hán rồi. Tại sao huệ căn sâu dày đến mức ngon lành như vậy? Vị này cách đây 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp về trước, trong một buổi trưa Đức Bồ tát Sumedho (tiền thân của Đức Phật mình đó) quỳ xuống trước Đức Phật Nhiên Đăng để xin nguyện thành Phật Chánh Đẳng Giác, lúc đó có một cậu thanh niên thấy cảnh Đức Phật 32 tướng tốt, 89 tướng phụ, hào quang rực rỡ đứng

xác nhận giữa trùng trùng thiên nhân, long xà, Càn-thát-bà, Kim Xí Điều, nhìn khung cảnh hoành tráng như vậy vị này hoan hỉ quá sức bèn nguyện: Con xin đi theo vị này! Vị này quên rằng Đức Phật Nhiên Đăng có nói “4 a-tăng-kỳ nữa”, mà vị này cái tâm cứ cột. Hứng thì nguyện vậy thôi, nhưng mà sau khi xa Phật, xa Tăng rồi, trở về đời sống bình thường vị này cũng cà lơ phất phơ, cũng ăn chơi, giao du bạn xấu để rồi phạm ngay cái tội đại kỵ của PG, đó là tội sát mẫu (giết mẹ). Mặc vào tội đó rồi đi địa ngục A tỳ vô gián thăm thăm chiều trôi, trôi lên được rồi thì chết bầm chết dập, chết bờ chết bụi, tên bay đạn lạc. Giết mẹ tội nặng lắm, vì bà là người có lòng đại bi với mình mà, gần như là tội giết La-Hán vậy, đó là một trong ngũ nghịch đại tội mà. Sau nhiều kiếp luân hồi, cuối cùng đến đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, duyên xưa chín muồi. Quả vị thì quá bé, chỉ cầu chứng La-Hán thôi chứ không có hạnh gì đặc biệt hết, đi 4 a-tăng-kỳ như vậy, gặp Đức Phật mình thì đắc rất là mau.

Chánh đạo là không đi theo đường tà.

Anuttaram puññakkhetṭam lokas-sāti. Các Ngài là phước điền của chúng sanh không đâu bì kịp.

Thánh tăng xứng đáng với tế phẩm, tặng phẩm, sự kính lễ, là phước điền vô thượng cho đời.

Hồi tôi còn bé xíu, đọc thấy trong kinh giải thích Tăng như vậy, tôi thấy đâu có gì hay, khi già rồi ngẫm lại thì thấy cao siêu thật. Trước hết chư tăng là những vị hành trì theo thánh đạo, chánh đạo và trực đạo của chư Phật Chánh Đẳng Giác.

Chư tăng nếu kể ra là gồm các tăng thánh; kể nhiều đó là thấy ngưỡng mộ rồi. Thánh tăng là những vị xứng đáng với tế phẩm, tặng phẩm.

Thế nào là tế phẩm? Hễ là người có lòng kính ngưỡng đối với một bề trên nào đó (dù đạo Hồi, đạo Chúa, Cao Đài, Hòa Hảo hay đạo gì đi nữa) thì lúc nào người ta cũng nghĩ đến chuyện cúng dường. Dù cúng hoa đăng cây trái, thức ăn hay vật phẩm gì đi nữa, hễ ai mà có lòng tín ngưỡng, có đức tin với một thần tượng nào đó thì một trong những chuyện đầu tiên là thờ cúng. Ngay cả những người vô sản hôm nay dù họ không xài chữ cúng nhưng họ cũng có đặt hoa kể bên hình của Fidel Castro, ông Hồ, ông Mao... cho đỡ quạnh. Nghĩa là trên đời này có hình tượng thì mình phải có cách

bày tỏ tấm lòng bằng một hay những lễ vật mà mình gọi là tế phẩm.

Trong đây Đức Phật dạy tất cả những món mà thiên hạ hướng đến hình tượng, tất cả những thứ đó các vị thánh nhân đều đáng được nhận. Nói cách khác, thánh nhân dù tầng nào cũng đáng để muôn loài kính ngưỡng như thần tượng xưa nay của mình. Câu này là để định nghĩa cho chữ ‘Āhuneyyo’.

Āhuneyyo: đáng mặt để thay thế cho tất cả thần tượng trên đời

Pāhuneyyo: xứng đáng với tất cả quà tặng mà thiên hạ trong đời nhắm đến đối tượng thân thương nhất của mình.

Vì sao các ngài xứng đáng như vậy? Vì tất cả phàm phu luôn có khuynh hướng ghét và thích này nọ, thánh nhân thì không. Chỉ có chán mà không ghét, chỉ có từ bi mà không ái luyến, chỉ có tinh thần trách nhiệm mà không có sự dính mắc. Những đức tánh ấy ở thánh nhân không vì một thử thách hay cám dỗ nào đó mà mất đi như ở phàm phu nên thánh nhân có được hồng danh ấy.

Từ bi mà không ái luyến nghĩa là giúp được thì giúp nhưng giúp không được thì không chảy nước mắt. Còn mình giúp không được mình chảy nước mắt, đó là ái luyến chứ không phải từ bi. Mình nói mình từ bi, mình nói mình sợ sinh tử, mình nói mình sợ tuổi già quạnh hiu, sợ một cái chết không chánh niệm v.v... nhưng nếu thử mình gặp được người hay vật mình thích thì mình còn tu nữa hay không. Mình nói mình từ bi nhưng gặp thẳng càn khôn mình có thương được hay không. Thánh nhân thì không, thử thách cỡ nào, cám dỗ cỡ nào, đắng cay hay ngọt bùi cỡ nào thì luôn luôn là như vậy. Sông có thể cạn núi có thể mòn nhưng những đức tánh ấy ở thánh nhân thì không bao giờ thay đổi. Thế là, các ngài còn có thêm hai hồng danh nữa đó là xứng đáng để thiên nhân lễ bái và các ngài là phước điền vô thượng ở đời.

Khi ta kính lễ một cá nhân hiền thánh thì công đức dĩ nhiên vô lượng, nhưng không bằng một góc nhỏ của trường hợp kính lễ một cá nhân hiền thánh mà lòng luôn xem đó là đại diện cho hiền thánh ba đời mười phương, đó mới là phước điền vô thượng. Nghĩa là khi mình quỳ lạy một vị không tham không sân, không ái, kiến, mạn, nghi thì mình không nghĩ rằng tôi đang lạy vị thánh A, B, C, F mình chỉ lạy xưa nay chư Phật nào cũng như vậy, tất cả La-Hán nào cũng như vậy, hiền thánh nào cũng như

vầy, vị này là đại diện cho hiền thánh ba đời mười phương. Một người hiểu rõ Bốn Đế thì phải có oai nghi tế hạnh như vầy, ánh mắt như vầy, giọng nói, cử chỉ biểu hiện như vầy... Lễ như vậy mới được phước điền vô thượng. Còn như sư phụ mình đứng là La-Hán, mình quý thiết nhưng khi mình quỳ lạy, cúng dường, lễ bái, mình chấp tay cúi đầu mình cứ nghĩ sư phụ mình là số một, sư phụ mình là vô địch, dĩ nhiên công đức vẫn vô lượng nếu đó là vị La-Hán, nhưng mình đang hướng đến cá nhân.

Còn chữ ‘Tăng’ mà trong bài kinh này đề nghị tức là xem vị này chính là biểu tượng cho vô số vị khác thì đó mới gọi là phước điền vô thượng. Nếu không được vậy, ta chỉ có một sào ruộng mà thôi, thay vì cò bay thẳng cánh.

Ok, bữa nay tôi phá lệ giảng lố 10 phút, nhìn bà con có vẻ muốn rời room nhưng ngồi chờ. Ngày mai, ngày mốt chúng tôi có khách tăng ở xa đến cho nên chúng tôi sẽ quay lại lớp vào ngày thứ sáu, thứ bảy bù lại để khỏi mất bài. Chúc các vị một ngày vui, một đêm an lành.